TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2022/QĐST - DS	*H, ngày 18 tháng 10 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ VIỆC XÉT ĐƠN YÊU CẦU GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH P

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 01/2022/TLST- VDS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc "Yêu cầu xác định cha cho con".

Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1960; Nơi ĐKHKTT: Khu 1, xã X, huyện H, tỉnh P.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Quốc H, sinh năm 1993; Nơi ĐKHKTT: Khu 1, xã X, huyện H, tỉnh P.

Xét thấy: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu giải quyết việc dân sự được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 366 Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ vào các Điều 48, 366, 371, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2022/TLST- VDS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc "Yêu cầu xác định cha cho con".

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết việc dân sự:

Về quyền yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị C có quyền yêu cầu giải quyết việc dân sự lại theo quy định pháp luật.

Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị C không phải chịu theo quy định của pháp luật.

3. Người yêu cầu, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 07 kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày

quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát cựng cấp cú quyền kháng nghị trong thời hạn 07 ngày, Viện kiểm sát cấp trờn trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Viện kiểm sát cựng cấp nhận được quyết định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trịnh Đình Yên

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

(1) Ghi tên Toà án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Toà ỏn ra quyết định là Toà án nhân dân cấp huyện cần ghi rừ tờn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rừ Toà ỏn nhõn dân tỉnh, (thành phố) nào (vớ dụ: Toà ỏn nhõn dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST- KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân Đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (vớ dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xỏc định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cỏ nhõn với cỏ nhõn được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cỏ nhõn với cỏ nhõn").

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tờn và địa chỉ của cá nhân Đã; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tờn, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức Đã (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tuỳ vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhõn khởi kiện (nếu cú).